TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH** ——	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ——————————— *Châu Thành, ngày 29 tháng 01 năm 2024*

Số: 19/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Trang Thiên N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2024

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Kim Trang Thiên N và ông Lê Minh H (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2003, ngày 09/4/2003 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Trang Thiên N và ông Lê Minh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thiên Nhã T, sinh ngày 09/10/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Lê Thiên Đ, sinh ngày 09/3/2008, hiện

đang sống với bà N, bà N yêu cầu được nuôi cháu Đ (theo nguyện vọng của con). Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không đặt ra.
- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Kim Trang Thiên N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đ nhưng được cấn trừ vào số tiền mà bà N đã nộp tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu số 0000593 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà N được nhận lại số tiền còn thừa là 150.000đ.

Ông Lê Minh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- - Đương sự:

Kim Thị Ngọc Thu